| ỦY BAN NHÂN DÂN<br>XÃ ĐỊNH BIÊN | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |
|---|---|
| Số: 20/KH-UBND | *Định Biên, ngày 25 tháng 01 năm 2024* |

# KẾ HOẠCH
## Tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật cho nhân dân xã Định Biên năm 2024

Thực hiện Kế hoạch số 09/KH – UBND ngày 15/01/2024 của UBND xã Định Biên về công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở, xây dựng cấp xã đạt Chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2024. UBND xã Định Biên xây dựng Kế hoạch Tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật cho nhân dân năm 2024 với những nội dung như sau:

### I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

**1. Mục đích**

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Luật Phổ biến giáo dục pháp luật và các văn bản liên quan.

- Nâng cao vai trò trách nhiệm của nhân dân trong sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật.

**2. Yêu cầu**

2.1. Quán triệt và thực hiện đầy đủ chủ trương của Đảng; quy định pháp luật về PBGDPL.

2.2. Bám sát và thực hiện đầy đủ các chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao; đề cao trách nhiệm người đứng đầu; phát huy vai trò của Hội đồng phối hợp PBGDPL; nâng cao hiệu quả công tác phối hợp, bảo đảm sự kết nối, lồng ghép các hoạt động.

2.3. Bảo đảm có trọng tâm, trọng điểm, thiết thực, chất lượng, hiệu quả; đa dạng hóa, huy động, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực xã hội tham gia công tác PBGDPL.

### II. NỘI DUNG

**1.** Xây dựng, ban hành Kế hoạch công tác PBGDPL cho nhân dân:

- Cơ quan thực hiện: UBND cấp xã.

- Cơ quan phối hợp: Các ban, ngành đoàn thể.

- Sản phẩm: Kế hoạch công tác PBGDPL của UBND xã.

**2.** Các văn bản trọng tâm cần phổ biến

- Tuyên truyền, phổ biến, quán triệt nội dung Luật : Luật Phòng, chống bạo lực gia đình (sửa đổi); Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở.

- Cơ quan thực hiện: UBND cấp xã.

- Cơ quan phối hợp: Các ban ngành, đoàn thể.

- Thời gian thực hiện: Tháng 01 năm 2024

- Sản phẩm: Hội nghị PBGDPL tại nhà văn hóa xã.

**II. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**1. Kinh phí:**

Kinh phí thực hiện công tác PBGDPL thực hiện theo Thông tư liên tịch số 14/2014/TTLT-BTC-BTP ngày 27/01/2014 của Bộ Tài chính - Bộ Tư pháp quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác PBGDPL và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở; Quyết định số 29/2014/QĐ-UBND ngày 19/8/2014 của UBND tỉnh Thái Nguyên quy định về mức chi, lập dự toán, quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác PBGDPL và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

**2. Trách nhiệm của các cơ quan liên quan.**

2.1. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã Định Biên và các tổ chức thành viên tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên, cán bộ, công chức và nhân dân tham gia học tập, nghiên cứu, chấp hành pháp luật.

**2.2.** Công chức Kế toán - Tài chính căn cứ vào nguồn kinh phí đã được bố trí trong dự toán thực hiện thẩm định, quyết toán đúng quy định.

**2.3.** Giao công chức Tư pháp - Hộ tịch, công chức Văn hóa - Xã hội giúp UBND xã chỉ đạo, hướng dẫn, triển khai, theo dõi việc thực hiện Kế hoạch này;

Trên đây là Kế hoạch Tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật cho nhân dân năm 2024 của ủy ban nhân dân xã Định Biên./.

***Nơi nhận*:**
- Phòng Tư pháp huyện;
- Đảng ủy, HĐND;
- Các ban, ngành, đoàn thể;
- Lưu: Vp.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**
**CHỦ TỊCH**

U.B.N.D XÃ ĐỊNH BIÊN H.ĐỊNH HOÁ T.THÁI NGUYÊN

**Ma Thịnh Giáp**

**TÀI LIỆU TUYÊN TRUYỀN PHÁP LUẬT**

*( Kèm theo Kế hoạch số 62/KH - UBND ngày 16/11/2024 của UBND xã Định Biên)*

**Một số điểm mới của Thông tư số 04/2024/TT-BTP về đăng ký và quản lý hộ tịch**

**Ngày 28/5/2024, Bộ Tư pháp đã ban hành Thông tư số 04/2024/TT-BTP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-**

**CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch. Thông tư có hiệu lực thi hành từ ngày 16/7/2024 và thay thế Thông tư số 15/2015/TT-BTP ngày 16/11/2015 của Bộ Tư pháp.**

**Theo đó, Thông tư số 04/2024/TT-BTP có một số điểm mới nổi bật sau đây:**

**Thứ nhất, không đặt tên con quá dài, khó sử dụng.** Cụ thể, tại khoản 1, Điều 6 Thông tư quy định việc xác định họ, dân tộc, đặt tên cho trẻ em phải phù hợp với pháp luật và yêu cầu giữ gìn bản sắc dân tộc, tập quán, truyền thống văn hóa tốt đẹp của Việt Nam; *không đặt tên quá dài, khó sử dụng*.. Trường hợp cha, mẹ không thỏa thuận được về họ, dân tộc, quê quán của con khi đăng ký khai sinh thì họ, dân tộc, quê quán của con được xác định theo tập quán nhưng phải bảo đảm theo họ, dân tộc, quê quán của cha hoặc mẹ.

**Thứ hai, ông bà khi đi đăng ký khai sinh cho cháu không cần phải có giấy ủy quyền.** Hiện tại,Thông tư số 15/2015/TT-BTP quy định, khi đăng ký các việc hộ tịch, trừ trường hợp đăng ký kết hôn, đăng ký lại việc kết hôn, đăng ký nhận cha, mẹ, con, người được ủy quyền là ông, bà, cha, mẹ, con, vợ, chồng, anh, chị, em ruột của người ủy quyền thì văn bản ủy quyền không phải công chứng, chứng thực, nhưng phải có giấy tờ chứng minh mối quan hệ với người uỷ quyền. Thông tư số 04/2024/TT-BTP quy định, trường hợp người đi đăng ký khai sinh cho trẻ em là ông, bà, người thân thích khác theo quy định tại khoản 1 Điều 15 Luật Hộ tịch thì *không phải có văn bản ủy quyền* của cha, mẹ trẻ em, *nhưng phải thống nhất với cha, mẹ trẻ em về các nội dung khai sinh*.

**Thứ ba, quy định mới về giá trị sử dụng Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân và bổ sung quy định về cấp lại Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân:**Theo quy định tại Nghị định số 123/2015/NĐ-CP và Thông tư số 15/2015/TT-BTP thì người yêu cầu cấp lại Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân để kết hôn phải nộp lại Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân đã được cấp trước đó. Tuy nhiên, trong nhiều trường hợp người yêu cầu không nộp lại được do bị mất, thất lạc,… nhưng lại không có quy định hướng dẫn, gây nhiều khó khăn trong công tác đăng ký hộ tịch. Khắc phục tình trạng bất cập này, Thông tư số 04/2024/TT-BTP đã hướng dẫn giải quyết cụ thể trường hợp người yêu cầu không nộp lại được Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân đã được cấp trước đó. Theo đó, người yêu cầu phải trình bày rõ lý do không nộp lại được Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân đã được cấp trước đó. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, cơ quan đăng ký hộ tịch có văn bản trao đổi với nơi dự định đăng ký kết hôn trước đây để xác minh. Trong trường hợp không xác minh được hoặc không nhận được kết quả xác minh thì cơ quan đăng ký hộ tịch cho phép người yêu cầu lập văn bản cam đoan về tình trạng hôn nhân theo quy định.

Bên cạnh đó, Thông tư cũng quy định cơ quan đăng ký hộ tịch phải từ chối giải quyết trong trường hợp xác nhận tình trạng hôn nhân để kết hôn với người cùng giới tính hoặc kết hôn với người nước ngoài tại Cơ quan đại diện nước ngoài tại Việt Nam.

Về giá trị sử dụng Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân, tại Khoản 1 Điều 23 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP quy định Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân có giá trị 6 tháng kể từ ngày cấp. Để cụ thể hơn, Thông tư số 04/2024 quy định: Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân có giá trị đến thời điểm thay đổi tình trạng hôn nhân hoặc 06 tháng kể từ ngày cấp, tùy theo thời điểm nào đến trước. Ví dụ: Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân được cấp ngày 03/02/2024 nhưng ngày 10/02/2024, người được cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân đã đăng ký kết hôn thì Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân chỉ có giá trị sử dụng đến ngày 10/02/2024.

Trường hợp người yêu cầu cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân để sử dụng vào mục đích khác, không phải để đăng ký kết hôn, thì người yêu cầu không phải đáp ứng điều kiện kết hôn; trong Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân phải ghi rõ mục đích sử dụng, không có giá trị sử dụng để đăng ký kết hôn. Số lượng Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân được cấp theo yêu cầu. Ví dụ: Giấy này được cấp để làm thủ tục mua bán nhà, không có giá trị sử dụng để đăng ký kết hôn.

**Thứ tư, chứng cứ chứng minh quan hệ cha, mẹ, con được quy định đơn giản hơn.** Thông tư quy định chứng cứ để chứng minh quan hệ cha, mẹ, con theo quy định tại khoản 1, Điều 25 và khoản 1, Điều 44 của Luật Hộ tịch gồm một trong các giấy tờ, tài liệu sau đây:

- Văn bản của cơ quan y tế, cơ quan giám định hoặc cơ quan, tổ chức khác có thẩm quyền ở trong nước hoặc nước ngoài xác nhận quan hệ cha con, quan hệ mẹ con.

- Trường hợp không có chứng cứ chứng minh quan hệ cha, mẹ, con theo quy định nói trên thì các bên nhận cha, mẹ, con lập văn bản cam đoan về mối quan hệ cha, mẹ, con theo quy định tại Điều 5 Thông tư 04/2024/TT-BTP, có ít nhất hai người làm chứng về mối quan hệ cha, mẹ, con.

**Thứ năm, bổ sung trường hợp khai sinh cho con sinh ra trong thời kỳ hôn nhân nhưng không được thừa nhận là con chung**. Cụ thể, tại khoản 4, Điều 16 Thông tư số 04/2024/TT-BTP quy định trường hợp con do người vợ sinh ra hoặc có thai trong thời kỳ hôn nhân nhưng vợ hoặc chồng không thừa nhận là con chung hoặc người khác muốn nhận con thì do Tòa án nhân dân xác định theo quy định pháp luật. Trường hợp Tòa án nhân dân từ chối giải quyết thì cơ quan đăng ký hộ tịch tiếp nhận, giải quyết yêu cầu đăng ký khai sinh cho trẻ em chưa xác định được cha hoặc đăng ký nhận cha, con, hồ sơ phải có văn bản từ chối giải quyết của Tòa án và chứng cứ chứng minh quan hệ cha, con theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Thông tư.

**Thứ sáu, bổ sung quy định về giấy tờ, tài liệu là cơ sở đăng ký lại khai sinh.** Về cơ bản, Thông tư số 04/2024/TT-BTP cũng quy định các loại giấy tờ tài liệu là cơ sở đăng ký lại khai sinh tương tự như tại Thông tư số 15/2015/TT-BTP. Tuy nhiên,

để đảm bảo chặt chẽ hơn, Thông tư số 04/2024/TT-BTP đã bổ sung thêm quy định trong trường hợp giấy tờ của người yêu cầu đăng ký lại khai sinh không có thông tin chứng minh quan hệ cha, mẹ, con thì cơ quan đăng ký hộ tịch có văn bản đề nghị cơ quan công an có thẩm quyền xác minh. Trường hợp cơ quan công an trả lời không có thông tin thì cơ quan đăng ký hộ tịch cho người yêu cầu đăng ký lại khai sinh lập văn bản cam đoan về thông tin của cha, mẹ theo quy định tại Điều 4, Điều 5 Thông tư số 04/2024/TT-BTP và xác định nội dung khai sinh theo văn bản cam đoan.

## Một số nội dung của Luật tiếp cận thông tin năm 2016

**Ngày 06/4/2016, tại kỳ họp thứ 11 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII đã thông qua Luật tiếp cận thông tin. Luật tiếp cận thông tin số 104/2016/QH13 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2018. Đây là luật rất quan trọng, tạo khuôn khổ pháp lý cho việc thực hiện quyền tiếp cận thông tin của công dân và nâng cao tính công khai, minh bạch trong hoạt động của các cơ quan nhà nước.**

### 1. Về nguyên tắc bảo đảm quyền tiếp cận thông tin

Theo Điều 3, Luật Tiếp cận thông tin quy định:

Mọi công dân đều bình đẳng, không bị phân biệt đối xử trong việc thực hiện quyền tiếp cận thông tin.

Thông tin được cung cấp phải chính xác, đầy đủ.

Việc cung cấp thông tin phải kịp thời, minh bạch, thuận lợi cho công dân; đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

Việc hạn chế quyền tiếp cận thông tin phải do luật định trong trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng.

Việc thực hiện quyền tiếp cận thông tin của công dân không được xâm phạm lợi ích quốc gia, dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức hoặc của người khác.

Nhà nước tạo điều kiện thuận lợi để người khuyết tật, người sinh sống ở khu vực biên giới, hải đảo, miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thực hiện quyền tiếp cận thông tin.

### 2. Về chủ thể thực hiện quyền tiếp cận thông tin

Theo Điều 4 Luật Tiếp cận thông tin quy định Chủ thể thực hiện quyền tiếp cận thông tin bao gồm:

Công dân thực hiện quyền tiếp cận thông tin theo quy định của Luật này.

Người mất năng lực hành vi dân sự thực hiện yêu cầu cung cấp thông tin thông qua người đại diện theo pháp luật.

Người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi thực hiện yêu cầu cung cấp thông tin thông qua người giám hộ.

Người dưới 18 tuổi yêu cầu cung cấp thông tin thông qua người đại diện theo pháp luật, trừ trường hợp luật về trẻ em và luật khác có quy định khác.

**3. Quyền và nghĩa vụ của công dân trong việc tiếp cận thông tin**

Theo Điều 8 Luật Tiếp cận thông tin quy định công dân có quyền và nghĩa vụ trong việc tiếp cận thông tin như sau:

Công dân có quyền:

- Được cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác, kịp thời;
- Khiếu nại, khởi kiện, tố cáo hành vi vi phạm pháp luật về tiếp cận thông tin.

Công dân có nghĩa vụ:

- Tuân thủ quy định của pháp luật về tiếp cận thông tin;
- Không làm sai lệch nội dung thông tin đã được cung cấp;
- Không xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức hoặc của người khác khi thực hiện quyền tiếp cận thông tin.

**4. Cách thức tiếp cận thông tin**

Theo Điều 10, Luật Tiếp cận thông tin quy định công dân được tiếp cận thông tin bằng hai cách thức:

Tự do tiếp cận thông tin do cơ quan nhà nước công khai;

Yêu cầu cơ quan nhà nước cung cấp thông tin.

**5. Các hành vi bị nghiêm cấm**

Theo Điều 11 Luật Tiếp cận thông tin quy định các hành vi sau bị nghiêm cấm:

Cố ý cung cấp thông tin sai lệch, không đầy đủ, trì hoãn việc cung cấp thông tin; hủy hoại thông tin; làm giả thông tin.

Cung cấp hoặc sử dụng thông tin để chống lại Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, phá hoại chính sách đoàn kết, kích động bạo lực.

Cung cấp hoặc sử dụng thông tin nhằm xúc phạm danh dự, nhân phẩm, uy tín, gây kỳ thị về giới, gây thiệt hại về tài sản của cá nhân, cơ quan, tổ chức.

Cản trở, đe dọa, trù dập người yêu cầu, người cung cấp thông tin.

**6. Chi phí tiếp cận thông tin**

Theo Điều 12 Luật Tiếp cận thông tin quy định về chi phí tiếp cận thông tin: Công dân được cung cấp thông tin không phải trả phí, lệ phí, trừ trường hợp luật khác có quy

định. Người yêu cầu cung cấp thông tin phải trả chi phí thực tế để in, sao, chụp, gửi thông tin.

**7. Công khai thông tin**

Theo Điều 17, Luật Tiếp cận thông tin quy định Thông tin phải được công khai bao gồm:

1. Các thông tin sau đây phải được công khai rộng rãi:

Văn bản quy phạm pháp luật; văn bản hành chính có giá trị áp dụng chung; điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, thỏa thuận quốc tế mà Việt Nam là một bên; thủ tục hành chính, quy trình giải quyết công việc của cơ quan nhà nước;

Thông tin phổ biến, hướng dẫn thực hiện pháp luật, chế độ, chính sách đối với những lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của cơ quan nhà nước;

Dự thảo văn bản quy phạm pháp luật theo quy định của pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật; nội dung và kết quả trưng cầu ý dân, tiếp thu ý kiến của Nhân dân đối với những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của cơ quan nhà nước mà đưa ra lấy ý kiến Nhân dân theo quy định của pháp luật; đề án và dự thảo đề án thành lập, giải thể, nhập, chia đơn vị hành chính, điều chỉnh địa giới hành chính;

Chiến lược, chương trình, dự án, đề án, kế hoạch, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia, địa phương; quy hoạch ngành, lĩnh vực và phương thức, kết quả thực hiện; chương trình, kế hoạch công tác hằng năm của cơ quan nhà nước;

Thông tin về dự toán ngân sách nhà nước; báo cáo tình hình thực hiện ngân sách nhà nước; quyết toán ngân sách nhà nước; dự toán, tình hình thực hiện, quyết toán ngân sách đối với các chương trình, dự án đầu tư xây dựng cơ bản sử dụng vốn ngân sách nhà nước; thủ tục ngân sách nhà nước;

Thông tin về phân bổ, quản lý, sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức và nguồn viện trợ phi chính phủ theo quy định; thông tin về quản lý, sử dụng các khoản cứu trợ, trợ cấp xã hội; quản lý, sử dụng các khoản đóng góp của Nhân dân, các loại quỹ;

Thông tin về danh mục dự án, chương trình đầu tư công, mua sắm công và quản lý, sử dụng vốn đầu tư công, tình hình và kết quả thực hiện kế hoạch, chương trình, dự án đầu tư công; thông tin về đấu thầu; thông tin về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; giá đất; thu hồi đất; phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư liên quan đến dự án, công trình trên địa bàn;

Thông tin về hoạt động đầu tư, quản lý, sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp; báo cáo đánh giá kết quả hoạt động và xếp loại doanh nghiệp; báo cáo giám sát tình hình thực hiện công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp và cơ quan nhà nước đại diện chủ sở hữu; thông tin về tổ chức và hoạt động của doanh nghiệp nhà nước;

Thông tin về sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ có tác động tiêu cực đến sức khỏe, môi trường; kết luận kiểm tra, thanh tra, giám sát liên quan đến việc bảo vệ môi trường, sức khỏe của cộng đồng, an toàn thực phẩm, an toàn lao động;

Thông tin về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của cơ quan và của đơn vị trực thuộc; nhiệm vụ, quyền hạn của nhân dân trực tiếp giải quyết các công việc của Nhân dân; nội quy, quy chế do cơ quan nhà nước ban hành;

Báo cáo công tác định kỳ; báo cáo tài chính năm; thông tin thống kê về ngành, lĩnh vực quản lý; cơ sở dữ liệu quốc gia ngành, lĩnh vực; thông tin về tuyển dụng, sử dụng, quản lý nhân dân, viên chức; thông tin về danh mục và kết quả chương trình, đề tài khoa học;

Danh mục thông tin phải công khai theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 34 của Luật; tên, địa chỉ, số điện thoại, số fax, địa chỉ thư điện tử của cơ quan nhà nước hoặc người làm đầu mối tiếp nhận yêu cầu cung cấp thông tin;

Thông tin liên quan đến lợi ích công cộng, sức khỏe của cộng đồng;

Thông tin về thuế, phí, lệ phí;

Thông tin khác phải được công khai theo quy định của pháp luật.

2. Ngoài thông tin quy định trên, căn cứ vào điều kiện thực tế, cơ quan nhà nước chủ động công khai thông tin khác do mình tạo ra hoặc nắm giữ.